ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG

TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 HÒA LIÊN

****

CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023 TT90/2018/TT-BTC

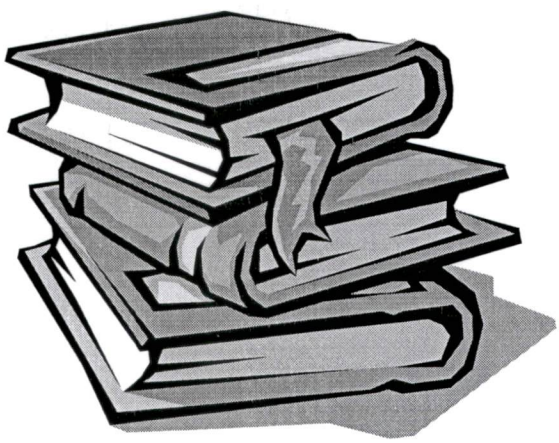

UBND HUYỆN HÒA VANG
TRƯỜNG MN SỐ 2 HÒA LIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08 /QĐ-MNHL2

Hòa Vang, ngày 15 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai giao dự toán ngân sách năm 2023 của Trường mầm non số 2 Hòa Liên

Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 23 tháng 2 năm 2016 của Uỷ ban nhân dân huyện Hòa Vang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường mầm non số 2 Hòa Liên;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 8568/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân huyện Hòa Vang về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh và Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của bộ phận Kế hoạch - Tài chính Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hòa Vang về việc công khai dự toán ngân sách năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán ngân sách năm 2023 của Trường mầm non số 2 Hòa Liên *(theo biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Kế hoạch- Tài chính Trường mầm non số 2 Hòa Liên và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND huyện Hòa Vang;
- Phòng GD & ĐT Hòa Vang;
- Lưu: VT, KHTC(Xuyến).

Hiệu trưởng

Lê Thị Đệ

Biểu số 2 – Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG MN SỐ 2 HÒA LIÊN

Chương: 622

DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-MNHL2 ngày 15 / 01 /2023
của Trường mầm non số 2 Hòa Liên)

ĐVT: Ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**4.549**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**-**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**4.549**
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4208
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	341
3	**Chi quản lý hành chính-Hội khuyến học**	**-**
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
4	**Chi quản lý hành chính-Hội Cựu giáo chức**	**-**
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	

UBND HUYỆN HÒA VANG
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 HOÀ LIÊN

BẢNG THUYẾT MINH DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NĂM 2023

ĐVT: ngàn đồng

STT	Mục	Nội dung	Số tiền												
			Chia ra các tháng												Tổng cộng
			Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
I	**Nhóm chi lương**		278.931	278.931	278.931	279.931	279.931	279.931	279.931	279.931	279.931	279.931	279.931	278.724	3.354.970
1	**6000**	Tiền lương 1 tháng của 31 người x 12	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	1.764.000
		Truy lương	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	12.000
		Tiền công hợp đồng theo chế độ	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	132.000
2	**6100**	**Phụ cấp lương:**	**73.886**	**73.886**	**73.886**	**74.886**	**74.886**	**74.886**	**74.886**	**74.886**	**74.886**	**74.886**	**74.886**	**73.679**	**894.425**
		- Phụ cấp chức vụ	3.067	3.067	3.067	3.067	3.067	3.067	3.067	3.067	3.067	3.067	3.067	3.067	36.804
		- Phụ cấp khu vực	4.321	4.321	4.321	4.321	4.321	4.321	4.321	4.321	4.321	4.321	4.321	4.321	51.852
		- Phụ cấp thâm niên	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	192.000
		- Truy PC thâm niên	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200	2.400
		- Phụ cấp trách nhiệm	298	298	298	298	298	298	298	298	298	298	298	298	3.576
		- Phụ cấp ưu đãi	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	576.000
		- Truy PC ưu đãi	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	12.000
		- Phụ cấp thâm niên vượt khung		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		- Phụ cấp tăng giờ	1.000	1.000	1.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	793	19.793
3	**6300**	Các khoản đóng góp theo lương:	**57.045**	**57.045**	**57.045**	**57.045**	**57.045**	**57.045**	**57.045**	**57.045**	**57.045**	**57.045**	**57.045**	**57.045**	**684.545**
4		Kinh phí CCTL10%:													0
II	**Nhóm chi hành chính**		7.296	12.596	35.396	31.396	33.096	95.096	38.596	55.096	38.786	19.896	23.896	22.396	413.542
1	**6200**	**Tiền thưởng**													
2	**6400**	**Các khoản thanh toán cá nhân**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
															0
3	**6500**	**Thanh toán dịch vụ, công cộng:**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6.000**	**6.000**	**6.000**	**6.000**	**0**	**0**	**0**	**24.000**
		+ Tiền điện: 3.000.000đ x 04 tháng						3.000	3.000	3.000	3.000				12.000
		+ Tiền nước:3.000.000đ x 04 tháng						3.000	3.000	3.000	3.000				12.000
	6550	**Vật tư văn phòng:**	**1.500**	**5.000**	**500**	**2.500**	**500**	**2.000**	**500**	**7.000**	**2.500**	**500**	**0**	**4.500**	**27.000**
		+ Chi mua văn phòng phẩm(bao gồm: viết,giấy, mực in,		5.000						5.000					10.000
		,ghim, kẹp ba dây, sổ công tác v.v…)													
		Mua vật tư văn phòng khác như ly, chổi, mực in, điện, nước…			500	500	500		500		500	500		500	3.500
		+Chi mua cờ phướng, cờ nheo…	1.500							2.000				2.000	5.500
		+ Mua sơn sơn đồ chơi ngòai trời				2.000		2.000			2.000			2.000	8.000
4	**6600**	**Thông tin liên lạc:**	**796**	**796**	**796**	**796**	**796**	**796**	**796**	**796**	**796**	**796**	**796**	**796**	**9.552**
		+ Tiền điện thoại: 136.000đ x 12 tháng	136	136	136	136	136	136	136	136	136	136	136	136	1.632
		+ Tiền ADS internet: 330.000đ x 12 tháng x 2 (cụm)	660	660	660	660	660	660	660	660	660	660	660	660	7.920
5	**6700**	**Khoán công tác phí:**	**2.300**	**2.300**	**2.300**	**2.300**	**2.300**	**2.300**	**2.300**	**2.300**	**2.300**	**2.300**	**2.300**	**2.300**	**27.600**
		+ Khoán công tác phí:	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	27.600
	6750	**Chi phí thuê mướn:**	**500**	**1.500**	**0**	**0**	**3.000**	**2.000**	**2.000**	**2.500**	**2.000**	**2.000**	**0**	**1.000**	**16.500**
		+ Chi thuê nhân công sớt cỏ	500				1.000			1.000				1.000	3.500
		+ Thuê sửa chửa bàn ghế học sinh		1.500			2.000			1.500					5.000
		+ Thuê nhân công phòng chống bão							2.000		2.000	2.000			6.000
		+ Chi thuê mướn khác						2.000							2.000
6	**6900**	**Chi phí sửa chữa nhỏ:**	**0**	**0**	**19.500**	**9.000**	**4.000**	**22.000**	**0**	**21.500**	**12.000**	**4.500**	**3.000**	**3.000**	**98.500**
		+ Chi sửa máy tính, máy in:				3.000		3.000			3.000		3.000	3.000	15.000

		+ Sữa chữa nhà vệ sinh lớp học Hưởng Phước			15.000										15.000
		+ Sữa chữa thang tời				3.000					3.000				6.000
		+ Sữa chữa thay thế hệ thống nước tia cực tím tại Vân Dương					4.000			4.000					8.000
		+ Sữa chữa đồ chơi ngoài trời						6.000			6.000				12.000
		+ Sữa chữa thay thế hệ thống nước tia cực tím tại Hưởng Phước								4.500					4.500
		+ Sữa chữa hệ thống nhà vệ sinh khu vực Vân Dương						10.000		10.000					20.000
		+ Sữa chữa hệ thống điện nước khu vực Vân Dương			3.000	1.500		1.500		1.500		3.000			10.500
		+ Sữa chữa hệ thống điện nước khu vực Hưởng Phước			1.500	1.500		1.500		1.500		1.500			7.500
7	**7000**	**Chi phí chuyên môn**:	**1.500**	**3.000**	**11.300**	**12.800**	**22.500**	**8.000**	**0**	**15.000**	**9.800**	**8.800**	**15.800**	**9.800**	**118.300**
		Chi mua đồ dùng, trang thiết bị phục vụ cho các độ tuổi			5.000			5.000		5.000	6.000				21.000
		Chi giáo viên đi điều tra phổ cập				3.000		3.000			3.000				9.000
		Chi mua hàng hóa, vật tư dùng chuyên môn				2.000				5.000			3.000		10.000
		Chi mua VPP dùng cho giáo viên (viết, phấn, sổ giáo án…)		3.000		3.000				3.000			3.000		12.000
		Chi tổ chức các hoạt động chuyên đề			800	800					800	800	800	800	4.800
		Photo các biểu mẫu dùng cho chuyển môn	1.500				1.000					1.000		1.000	4.500
		Chi tham gia các hội thi do sở GD, PGD, trường tổ chức			4.000								4.000	4.000	12.000
		Chi trang trí các lớp học đầu năm, theo chủ đề, chủ điểm			1.500		1.500			2.000		2.000		4.000	11.000
		Chi khen thưởng cho học sinh					15.000								15.000
		+ Chi trang trí khai giảng, bế giảng năm học					5.000					5.000			10.000
		Sách chuyên môn, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học				4.000							5.000		9.000
8	**7750**	**Chi khác**	**700**	**0**	**1.000**	**4.000**	**0**	**0**	**12.000**	**0**	**3.390**	**1.000**	**2.000**	**1.000**	**25.090**
		Chi cắt trang trí các ngày lễ	700		1.000						2.000	1.000		1.000	5.700
		Chi bảo trì và sửa chữa máy tia cực tím				4.000									4.000
		Trồng cây xanh							12.000						12.000
		Chi mua vật tư phòng chống bão									1.390		2.000		3.390
9	**9050**	**Mua sắm tài sản cố định**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**52.000**	**15.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**67.000**
		Máy scan						5.000							5.000
		Máy ép plactic						7.000							7.000
		Mua máy tính xách tay							15.000						15.000
		May màn rèm cho các lớp						40.000							40.000
III	**Kinh phí tiết kiệm**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**440.000**	**440.000**
		- Chi thu nhập tăng thêm bình quân đ/ tháng												320.000	320.000
		- Chi quỹ phúc lợi:												80.000	80.000
		- Chi quỹ khen thưởng:												40.000	40.000
		- Chi quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	0										0	0	0
		Tổng cộng: (I + II + III)	**286.227**	**291.527**	**314.327**	**311.327**	**313.027**	**375.027**	**318.527**	**335.027**	**318.717**	**299.827**	**303.827**	**741.120**	**4.208.512**

4.208.512

0

Bằng chữ: Bốn tỷ hai trăm lẽ tám triệu năm trăm mười hai nghìn đồng

Hoà Liên, Ngày 15 tháng 01 năm 2023

KẾ TOÁN

Cao Thị Xuyến

Hiệu trưởng

Lê Thị Đệ